

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8010/BTC-KHTC

V/v công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019 của Bộ Tài chính (Quản lý ngành)

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2019

Kính gửi: Cục Tin học và Thống kê tài chính

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính) đề nghị Cục Tin học và Thống kê tài chính đăng tải công khai thuyết minh tình hình và số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2019 của Bộ Tài chính (Quản lý ngành) trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính theo Mẫu biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính (*đính kèm*).

Đề nghị Cục Tin học và Thống kê tài chính phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (*để báo cáo*);
- Vụ HCSN;
- Lưu: VT, KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Phạm Vũ Anh

Đơn vị: BỘ TÀI CHÍNH
Chương: 018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 8010/BTC-KHTC ngày 12/7/2019 của Bộ Tài chính)

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019 (1)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	460.090	175.005	38,0%	98,5%
1	Phí Hải quan	180.000	69.380	38,5%	144,1%
2	Phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán	184.210	50.227	27,3%	57,6%
3	Phí quản lý và giám sát hoạt động bảo	34.500	22.108	64,1%	226,6%

	hiểm				
4	Phí cho vay lại và phí bảo lãnh được để lại	61.000	33.134	54,3%	102,3%
5	Phí thẩm định đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	380	156	41,1%	177,3%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	450.785	59.981	13,3%	100,9%
1	Chi quản lý hành chính	450.785	59.981	13,3%	100,9%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	302.618	57.160	18,9%	107,5%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	148.167	2.821	1,9%	44,8%
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	9.305	2.550	27,4%	58,2%
1	Phí Hải quan	0	0		
2	Phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán	9.210	2.511	27,3%	57,6%
3	Phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm	0	0		
4	Phí cho vay lại và phí bảo lãnh được để lại	0	0		
5	Phí thẩm định đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	95	39	41,1%	177,3%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.961.289	8.245.420	35,9%	104,7%
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.961.289	8.245.420	35,9%	104,7%
1	Chi quản lý hành chính	21.468.210	7.194.138	33,5%	93,6%

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.577.309	6.433.285	41,3%	97,1%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.890.901	760.853	12,9%	71,8%
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	142.310	40.625	28,5%	110,9%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	44.262	24.214	54,7%	1293,5%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	98.048	16.411	16,7%	47,2%
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	54.929	10.686	19,5%	94,1%
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	31.200	3.410	10,9%	107,1%
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	22.300	3.110	13,9%	235,6%
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	8.900	300	3,4%	16,1%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	23.729	7.276	30,7%	89,1%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	450	0	0,0%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	450	0	0,0%	0,0%
5	Chi hoạt động kinh tế	493.470	199.971	40,5%	138,6%
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường	493.470	199.971	40,5%	138,6%

	xuyên				
6	Chi đảm bảo xã hội	801.920	800.000	99,8%	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	800.000	800.000	100,0%	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (CTMT đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy - Nội dung phòng chống tội phạm và ma túy)	1.920	0	0,0%	0,0%

Ghi chú: (1) Không gồm kế hoạch vốn đầu tư xây dựng nguồn ngân sách tập trung giao năm 2019./.

BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 8010/BTC-KHTC ngày 12/7/2019 của Bộ Tài chính)

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Bộ Tài chính (Quản lý ngành) công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm 2019 (ước đến ngày 30/6/2019) của Bộ Tài chính (Quản lý ngành) như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí:

1. Dự toán thu phí Bộ Tài chính (Quản lý nhà nước) giao cho Bộ Tài chính (Quản lý ngành) thực hiện năm 2019 là 409.890 triệu đồng, trong đó số thu phí được để lại sử dụng là 402.870 triệu đồng.

2. Dự toán thu phí Bộ Tài chính (Quản lý ngành) giao cho các đơn vị dự toán thuộc Bộ thực hiện là 460.090 triệu đồng, trong đó số thu phí các đơn vị được để lại sử dụng là 450.785 triệu đồng, cụ thể: phí Hải quan 180.000 triệu đồng; phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán 175.000 triệu đồng; phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm 34.500 triệu đồng; phí cho vay lại và phí bảo lãnh được để lại 61.000 đồng; phí thẩm định đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá 285 triệu đồng.

3. Ước lũy kế thực hiện đến ngày 30/6/2019:

- Số thu phí các đơn vị dự toán thuộc Bộ thực hiện là 175.005 triệu đồng, trong đó số thu phí các đơn vị được để lại sử dụng là 172.455 triệu đồng, đạt 38,3% số dự toán thu được để lại sử dụng (450.785 triệu đồng), gồm: phí Hải quan 69.380 triệu đồng; phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán 47.716 triệu đồng; phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm 22.108 triệu đồng; phí cho vay lại và phí bảo lãnh được để lại 33.134 đồng; phí thẩm định đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá 117 triệu đồng.

- Số thu phí nộp NSNN là 2.550 triệu đồng, gồm: phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán 2.511 triệu đồng; phí thẩm định đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá 39 triệu đồng.

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

1. Tổng dự toán chi thường xuyên nguồn NSNN năm 2019 là 22.961.289 triệu đồng, bao gồm:

- Chi quản lý hành chính: 21.468.210 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: 142.310 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 54.929 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 450 triệu đồng.
- Chi hoạt động kinh tế: 493.470 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội: 801.920 triệu đồng.

2. Lũy kế giải ngân 6 tháng đầu năm 2019 (ước đến ngày 30/6/2019) là 8.245.420 triệu đồng, đạt 36,9%, bao gồm:

- Chi quản lý hành chính: 7.194.138 triệu đồng, đạt 33,5%.
- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: 40.624 triệu đồng, đạt 28,5%.
- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 10.686 triệu đồng, đạt 19,5%.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Đến nay chưa giải ngân.
- Chi hoạt động kinh tế: 199.971 triệu đồng, đạt 40,5%.
- Chi đảm bảo xã hội: 800.000 triệu đồng, đạt 99,8%.